

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 5 - 2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Hồng Vân

- *Các Hội thẩm nhân dân* Ông Trần Xuân Thành
Ông Hồ Bá Võ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1990

Nơi đăng ký HKTT: Xóm 4 (nay là xóm De Đình), xã Nam Tr (nay là xã Trung Phúc C), huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ hiện nay: 444-1332 Aichiken - Takahama Shi - Yuyama Cho - 6-6-1, Sanihaitsu Yuyama 102, Nhật Bản. Có đơn xin xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn C, sinh năm 1989

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 4 (nay là xóm De Đình), xã Nam Tr (nay là xã Trung Phúc C), huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An. Hiện cư trú tại Hàn Quốc. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai nguyên đơn Chị Phạm Thị H trình bày (Có chứng thực của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Osaka - Nhật Bản):

Chị và anh Trần Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 02 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Tr, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được một thời gian

thì năm 2016 anh C đi nước ngoài, năm 2018 chị Huyền cũng đi làm việc tại Nhật Bản. Do ở xa nhau, hai vợ chồng ở hai đất nước khác nhau, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không còn tin tưởng nhau, không có tiếng nói chung. Hiện tại, giữa chị và anh C không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Huyền làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn C.

Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn C không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huyền không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Trần Văn C: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn là anh Trần Văn C vắng mặt. Chị Phạm Thị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh C cư trú, chị chỉ biết hiện nay anh C đang sinh sống tại Hàn Quốc. Tòa án đã hai lần gửi văn bản yêu cầu ông Trần Văn Th, bà Lê Thị O (là bố mẹ đẻ của anh C), trú tại: Xóm 4 (nay là xóm De Đình), xã Nam Tr (nay là xã Trung Phúc C), huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cũng như yêu cầu ông bà thông báo với anh C để gửi lời khai về cho Tòa án. Tuy nhiên, tại đơn trình bày ý kiến ông Thủy cho biết thời gian ở nước ngoài, anh C thường xuyên liên lạc về với ông bà qua điện thoại, còn địa chỉ cụ thể của anh C thì anh C không cung cấp nên ông bà không biết. Ông bà đã thông báo cho anh C biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị Huyền và anh C, tuy nhiên anh C không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Chị Phạm Thị H ly hôn với anh Trần Văn C. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huyền không yêu cầu nên không xem xét; giành quyền khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị H hiện cư trú tại Nhật Bản làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn C hiện cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, anh C có địa chỉ cư trú tại xóm 4 (nay là xóm De Đình), xã Nam Tr (nay là xã Trung Phúc C), huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo

quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Trần Văn C vắng mặt, theo Chị Phạm Thị H cung cấp thì anh C thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ anh C. Tòa án đã gửi công văn yêu cầu ông Trần Văn Th, bà Lê Thị O (là bố mẹ đẻ của anh C) cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn và thông báo cho anh C biết để gửi lời khai về cho Tòa án, tuy nhiên, ông bà không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh C. Đến nay, Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh C liên quan đến yêu cầu khởi kiện, nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng của anh C trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Chị Phạm Thị H có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Phạm Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Huyền và anh C sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì năm 2016 anh C đi nước ngoài, năm 2018 chị Huyền cũng đi làm việc tại Nhật Bản. Do ở xa nhau, hai vợ chồng ở hai đất nước khác nhau, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không còn tin tưởng nhau, không có tiếng nói chung. Xét thấy, chị Huyền và anh C không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huyền, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Văn C.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn C không có con chung, nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện về tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào Điều 56; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 4 Điều 207; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Văn C.
- Về con chung: Không có, nên không xem xét.
- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Dành quyền khởi kiện liên quan đến chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011692 ngày 16/3/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Trung Phúc C, h. Nam Đàn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Thái Thị Hồng Vân